



**Phụ lục**  
**BẢO CAO MỤC TIÊU TỔNG QUÁT, KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH**  
**VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2022**

*(Kèm theo Công văn số 1088/MOBIFONE-KHCL ngày 18 tháng 3 năm 2022 của Tổng công ty Viễn thông MobiFone)*

**TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**MOBIFONE                              Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**MST: 0100686209**  
-----

*Hà Nội, ngày .... tháng ... năm 2022*

**I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT VÀ NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH**

- Xây dựng và phát triển MobiFone thành Tổng công ty nhà nước mạnh, năng động, hiệu quả và bền vững; từng bước thực hiện chuyển đổi từ doanh nghiệp viễn thông sang doanh nghiệp số.
- Triển khai chiến lược kinh doanh phù hợp, tăng cường vùng phủ, nâng cao chất lượng mạng di động, gia tăng lợi thế cạnh tranh, duy trì và phát triển thị phần dịch vụ viễn thông di động; nâng cao tốc độ, trải nghiệm mạng di động 4G cho khách hàng; phát triển mạng 5G phù hợp với nhu cầu thị trường; bảo đảm an toàn, an ninh mạng.
- Đẩy mạnh tăng trưởng, phát triển các lĩnh vực, sản phẩm, dịch vụ mới để mở rộng thị trường và nguồn doanh thu; phấn đấu là doanh nghiệp viễn thông đi đầu trong trong đổi mới, áp dụng công nghệ mới với các phương thức kinh doanh đa dạng; đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng, phát triển khoa học - công nghệ; đổi mới sáng tạo; nghiên cứu và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin.
- Tăng cường đầu tư xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng sẵn sàng đáp ứng nhu cầu về kết nối và xử lý dữ liệu, cung cấp các dịch vụ số mới, không gian mới, đảm bảo chất lượng cung cấp, trải nghiệm khách hàng, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của doanh nghiệp.
- Tối ưu hóa chi phí, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực vốn, hiệu quả tài chính của doanh nghiệp; tăng cường quản trị doanh nghiệp theo các chuẩn mực tiên tiến, hiện đại.
- Nâng cao năng suất, hiệu quả lao động; đào tạo, phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đội ngũ nhân sự có năng lực, phẩm chất đạo đức, phong cách làm việc hiện đại, chuyên nghiệp đáp ứng nhu cầu sản xuất, kinh doanh, phù hợp với xu hướng chuyển đổi số; chăm lo tốt đời sống cho người lao động.
- Triển khai công tác cổ phần hóa theo đúng quy định và lộ trình được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

## II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2022

### 1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022

#### BẢNG CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu kế hoạch
1	Các chỉ tiêu sản lượng chính		
2	Chỉ tiêu sản phẩm, dịch vụ công ích (nếu có)		
3	Doanh thu công ty mẹ <sup>1</sup>	Tỷ đồng	31.366
4	Lợi nhuận trước thuế công ty mẹ <sup>1</sup>	Tỷ đồng	4.310
5	Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ <sup>1</sup>	Tỷ đồng	3.448
6	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Nộp ngân sách Công ty mẹ) <sup>1</sup>	Tỷ đồng	3.817
7	Tổng vốn đầu tư của công ty mẹ tối đa	Tỷ đồng	6.941
8	Kim ngạch xuất khẩu (nếu có)	Tỷ đồng	
9	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu <sup>1</sup>	%	14,93
10	Không có nợ phải trả quá hạn và Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn		> 1

### 2. Kế hoạch đầu tư năm 2022

#### BẢNG SỐ 2: KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CỦA TỔNG CÔNG TY NĂM 2022

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	CHƯƠNG TRÌNH ĐẦU TƯ - TÊN DỰ ÁN	Tổng mức đầu tư (Đã bao gồm VAT)	Chủ đầu tư	Nguồn vốn đầu tư
<b>A</b>	<b>DANH MỤC DỰ ÁN NHÓM A</b>			
	<i>Không có</i>			
<b>B</b>	<b>DANH MỤC DỰ ÁN NHÓM B</b>			
1.	Mở rộng và Nâng cấp mạng lõi phục vụ LTE	249.943	MobiFone	Vốn chủ sở hữu
2.	Mở rộng năng lực hệ thống PS Core 2017	349.996	MobiFone	Vốn chủ sở hữu

<sup>1</sup> Các chỉ tiêu này chưa tính đến yếu tố khách quan: do thay đổi nguyên tắc ghi nhận doanh thu đối với dịch vụ di động trả trước, chính sách quản lý doanh nghiệp viễn thông công nghệ thông tin chiếm thị phần không chế, chính sách đấu giá băng tần 2600MHz, chính sách nộp phí Quỹ Viễn thông công ích, Chính sách tắt sóng công nghệ 2G.

3.	Mở rộng và Nâng cấp hệ thống Tối ưu dữ liệu data trên mạng Mobifone	200.000	MobiFone	Vốn chủ sở hữu
4.	Trang bị hệ thống IMS trên mạng Mobifone	200.000	MobiFone	Vốn chủ sở hữu
5.	Nâng cấp và Mở rộng năng lực hệ thống PS Core 2020	180.000	MobiFone	Vốn chủ sở hữu
6.	Nâng cấp hệ thống HLR tập trung	152.056	MobiFone	Vốn chủ sở hữu
7.	Mở rộng hệ thống PS core mạng MobiFone	203.000	MobiFone	Vốn chủ sở hữu
8.	Trang bị thiết bị vô tuyến 4G LTE cho các thành phố khu vực miền Bắc mạng MobiFone	771.600	MobiFone	Vốn chủ sở hữu
9.	Trang bị thiết bị vô tuyến 4G LTE cho các thành phố khu vực miền Trung mạng MobiFone	253.527	MobiFone	Vốn chủ sở hữu
10.	Trang bị thiết bị vô tuyến 4G LTE cho khu vực Tp HCM và các thành phố khu vực miền Nam mạng MobiFone	998.422	MobiFone	Vốn chủ sở hữu
11.	Tăng cường chất lượng phủ sóng vô tuyến các tỉnh miền Bắc	836.696	MobiFone	Vốn chủ sở hữu
12.	Tăng cường chất lượng phủ sóng vô tuyến khu vực Tây Nam Bộ	253.527	MobiFone	Vốn chủ sở hữu
13.	Mở rộng và tăng cường chất lượng phủ sóng vô tuyến khu vực miền Trung năm 2018	901.460	MobiFone	Vốn chủ sở hữu
14.	Mở rộng và tăng cường chất lượng phủ sóng vô tuyến khu vực Đông Nam Bộ năm 2018	672.124	MobiFone	Vốn chủ sở hữu
15.	Tăng cường chất lượng phủ sóng vô tuyến các tỉnh miền Bắc mạng MobiFone năm 2019	899.643	MobiFone	Vốn chủ sở hữu
16.	Mở rộng vùng phủ sóng vô tuyến khu vực miền Bắc mạng MobiFone năm 2020	669.598	MobiFone	Vốn chủ sở hữu
17.	Mở rộng vùng phủ sóng vô tuyến khu vực miền Trung mạng MobiFone năm 2020	342.935	MobiFone	Vốn chủ sở hữu
18.	Tăng cường chất lượng phủ sóng mạng vô tuyến MobiFone năm 2020	1.048.815	MobiFone	Vốn chủ sở hữu
19.	Tăng cường chất lượng phủ sóng 4G mạng MobiFone năm 2021	253.000	MobiFone	Vốn chủ sở hữu
20.	Trang bị thiết bị truyền dẫn nội tỉnh cho các tỉnh miền Nam năm 2017	169.000	MobiFone	Vốn chủ sở hữu
21.	Trang bị thiết bị metro cho các tỉnh miền Bắc năm 2020	175.000	MobiFone	Vốn chủ sở hữu

22.	Trang bị thiết bị viba tăng cường năng lực mạng hiện hữu và phục vụ kết nối truyền dẫn phát triển mạng mới năm 2018	156.000	MobiFone	Vốn chủ sở hữu
23.	Trang bị hệ thống DWDM Nam Bộ 2	160.000	MobiFone	Vốn chủ sở hữu
24.	Trang bị thiết bị metro cho các tỉnh Đông Bắc Bộ	101.000	MobiFone	Vốn chủ sở hữu
25.	Trang bị thiết bị metro cho các tỉnh Đông Nam Bộ	235.072	MobiFone	Vốn chủ sở hữu
26.	Trang bị thiết bị truyền dẫn Viba cho trung tâm mạng lưới miền Nam năm 2017	170.000	MobiFone	Vốn chủ sở hữu
27.	Trang bị hệ thống quản lý mạng thông tin di động (NMS) mạng Mobifone VMS	259.646	MobiFone	Vốn chủ sở hữu
28.	Trang bị hệ thống OCS	326.644	MobiFone	Vốn chủ sở hữu
29.	Hệ thống quản lý CDR file và đấu nối dịch vụ	85.000	MobiFone	Vốn chủ sở hữu
30.	Nâng cấp hệ thống BigData năm 2020	85.000	MobiFone	Vốn chủ sở hữu
31.	Trang bị hệ thống Hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP) cho MobiFone (Phase 2)	78.000	MobiFone	Vốn chủ sở hữu
32.	Nâng cấp hệ thống Backup tập trung	59.000	MobiFone	Vốn chủ sở hữu
33.	Nâng cấp dung lượng Firewall Gi tại site HCM	79.000	MobiFone	Vốn chủ sở hữu
34.	Đầu tư Tòa nhà điều hành viễn thông MobiFone Đà Nẵng	293.611	Ban QLDA - MobiFone	Vốn chủ sở hữu
35.	Chuyển nhượng quyền sử dụng đất và công trình trên đất hình thành trong tương lai - Trung tâm Kỹ thuật Khai thác MobiFone Node 3 - Thành phố Hồ Chí Minh	186.157	Ban QLDA - MobiFone	Vốn chủ sở hữu
36.	Đầu tư Tòa nhà điều hành viễn thông MobiFone Việt Trì - Phú Thọ	139.939	Ban QLDA - MobiFone	Vốn chủ sở hữu
37.	Đầu tư Tòa nhà điều hành viễn thông MobiFone Đồng Nai	294.486	Ban QLDA - MobiFone	Vốn chủ sở hữu
38.	Đầu tư xây dựng Trung tâm điều hành viễn thông MobiFone Phú Yên	71.800	Ban QLDA - MobiFone	Vốn chủ sở hữu

39.	Đầu tư xây dựng tòa nhà điều hành viễn thông MobiFone Vĩnh Long	69.267	Ban QLDA - MobiFone	Vốn chủ sở hữu
40.	Mở rộng hệ thống EPG mạng MobiFone	450.000	MobiFone	Vốn chủ sở hữu
41.	Trang bị PE router mới phục vụ tăng trưởng lưu lượng mạng data	125.000	MobiFone	Vốn chủ sở hữu
42.	Mở rộng năng lực mạng IPBB MobiFone	270.000	MobiFone	Vốn chủ sở hữu
43.	Mở rộng vùng phủ sóng khu vực miền Bắc mạng MobiFone năm 2022	458.433	MobiFone	Vốn chủ sở hữu
44.	Mở rộng vùng phủ sóng khu vực miền Trung mạng MobiFone năm 2022	536.701	MobiFone	Vốn chủ sở hữu
45.	Mở rộng vùng phủ sóng khu vực miền Nam mạng MobiFone năm 2022	1.168.101	MobiFone	Vốn chủ sở hữu
46.	Tăng cường dung lượng mạng lưới vô tuyến 4G và triển khai phủ sóng các khu vực đặc thù miền Bắc mạng MobiFone năm 2022	424.000	MobiFone	Vốn chủ sở hữu
47.	Tăng cường dung lượng mạng lưới vô tuyến 4G và triển khai phủ sóng các khu vực đặc thù miền Trung mạng MobiFone năm 2022	216.000	MobiFone	Vốn chủ sở hữu
48.	Tăng cường dung lượng mạng lưới vô tuyến 4G và triển khai phủ sóng các khu vực đặc thù miền Nam mạng MobiFone năm 2022	629.000	MobiFone	Vốn chủ sở hữu
49.	Triển khai MIMO RAN 4x4 cho các trạm RAN 4G	410.547	MobiFone	Vốn chủ sở hữu
50.	Bổ sung băng tần mới cho các trạm 4G khu vực miền Trung mạng MobiFone giai đoạn 2022-2023	284.422	MobiFone	Vốn chủ sở hữu
51.	Bổ sung băng tần mới cho các trạm 4G khu vực miền Nam mạng MobiFone giai đoạn 2022-2023	1.456.898	MobiFone	Vốn chủ sở hữu
52.	Trang bị thiết bị vô tuyến công nghệ mới khu vực miền Bắc mạng MobiFone giai đoạn 2022-2023	1.469.393	MobiFone	Vốn chủ sở hữu
53.	Trang bị thiết bị vô tuyến công nghệ mới khu vực miền Trung mạng MobiFone giai đoạn 2022-2023	1.172.487	MobiFone	Vốn chủ sở hữu
54.	Trang bị thiết bị vô tuyến công nghệ mới khu vực Tp Hồ Chí Minh mạng MobiFone giai đoạn 2022-2023	1.494.185	MobiFone	Vốn chủ sở hữu
55.	Trang bị thiết bị vô tuyến công nghệ mới khu vực Đông Nam Bộ mạng MobiFone giai đoạn 2022-2023	976.919	MobiFone	Vốn chủ sở hữu

56.	Trang bị thiết bị vô tuyến công nghệ mới khu vực Tây Nam Bộ mạng MobiFone giai đoạn 2022-2023	1.163.061	MobiFone	Vốn chủ sở hữu
57.	Trang bị mạng DWDM Express liên vùng	640.000	MobiFone	Vốn chủ sở hữu
58.	Mở rộng mạng truyền dẫn metro phục vụ kinh doanh dịch vụ mới	550.000	MobiFone	Vốn chủ sở hữu
59.	Trang bị bổ sung tài nguyên cho hệ thống Private Cloud năm 2022	165.000	MobiFone	Vốn chủ sở hữu
60.	Trang bị bổ sung tài nguyên cho hệ thống Public Cloud năm 2022	145.000	MobiFone	Vốn chủ sở hữu
61.	Trang bị hệ thống nền tảng đáp ứng triển khai Digital Brand (BSS Platform)	105.000	MobiFone	Vốn chủ sở hữu
62.	Trang bị hệ thống Marketing campaign phục vụ triển khai các chương trình bán hàng và khuyến mại	105.000	MobiFone	Vốn chủ sở hữu
63.	Trang bị máy phát điện cố định cho trạm BTS các tỉnh thuộc Trung tâm Mạng lưới MobiFone Miền Trung năm 2022	110.840	Ban QLDA - MobiFone	Vốn chủ sở hữu
64.	Trang bị máy phát điện cố định cho trạm BTS các tỉnh thuộc Trung tâm Mạng lưới MobiFone Miền Nam năm 2022	170.000	Ban QLDA - MobiFone	Vốn chủ sở hữu